

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 10- TÂY NINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 130/2026/DS-ST

Ngày: 20-3-2026

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 10 – TÂY NINH**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đặng Thị Ngọc Dung.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Lê Thị Thanh Hương;

2. Ông Trần Tấn Phát;

- Thư ký phiên tòa: Ông Phạm Đức Trung – Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10- Tây Ninh tham gia phiên tòa:
Bà **Phạm Hải Yến** - Kiểm sát viên.

Ngày 20 tháng 3 năm 2026, tại trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 10- Tây Ninh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 778/2025/TLST-DS ngày 21/10/2025 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 106/2026/QĐXXST-**DS** ngày 10/02/2026 và Quyết định hoãn phiên tòa số 95/2026/QĐST-DS ngày 27/02/2026 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Thanh H, sinh năm 1979; địa chỉ: Khu phố N, phường L, tỉnh Tây Ninh.

Người đại diện theo ủy quyền: Bà Nguyễn Thị Loan T; sinh năm 1979; Địa chỉ: Số I, tổ E, Quốc lộ B, ấp Đ, xã P, tỉnh Tây Ninh; có mặt.

Bị đơn: Ông Nguyễn Văn T1, sinh năm 1990 và bà Phan Thị Thu U, sinh năm 1990; địa chỉ: Số A, Khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh; vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, biên bản lấy lời khai, trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Thanh H và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn bà Nguyễn Thị L Thảo trình bày:

Vào ngày 20/9/2024, bà Phan Thị Thu U cùng chồng là ông Nguyễn Văn T1 có vay của ông H số tiền là 800.000.000 đồng (T2 trăm triệu đồng), hai bên thỏa thuận lãi suất là 1,66%/ tháng. Mục đích vay tiền là để bà U, ông T1 đáo hạn ngân hàng và hẹn chậm nhất đến ngày 10/10/2024 sẽ trả đủ cho ông H tiền lãi và gốc.

Nhưng đến ngày 24/9/2024 bà U, ông T1 có báo cho ông H biết là do trục trặc hồ sơ vay, nên phía Ngân hàng chưa giải ngân được nên có hỏi vay thêm số tiền 300.000.000 đồng (Ba trăm triệu đồng). Lãi suất vay mà hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng. Thời hạn hẹn trả nợ là vào ngày 04/10/2024. Mục đích vay tiền là để xử lý cho khoản vay đáo hạn tại Ngân hàng mà bà U, ông T1 chưa được Ngân hàng giải ngân nói trên.

Tổng cộng bà U, ông T1 đã vay của ông H số tiền là 1.100.000.000 đồng

Khi vay tiền bà U, ông T1 có viết Giấy mượn tiền và ký tên, ghi họ tên vào Giấy mượn tiền rồi đưa cho ông H giữ. Để đảm bảo cho khoản vay tài sản nêu trên thì bà U, ông T1 có đưa cho ông H giữ 01 bản chính Giấy Chứng nhận quyền sử dụng đất số phát hành CT 244039 do Sở Tài Nguyên và Môi trường tỉnh T cấp cho bà Phan Thị Thu U đứng tên ngày 24/10/2019.

Khi đến hạn trả các khoản nợ trên thì bà U, ông T1 không trả nợ đúng hạn, mà chỉ trả cho ông H được số tiền gốc là 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) vào ngày 03/4/2025 và bà U, ông T1 còn nợ lại của ông H số tiền gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi cho đến nay bà U, ông T1 chưa thanh toán cho ông H.

Tuy nhiên từ ngày mượn tiền 20/9/2024 đến ngày hẹn trả nợ gốc là ngày 04/10/2024 cho đến nay bà U, ông T1 vẫn không trả số tiền vay gốc và tiền lãi như hai bên đã thỏa thuận, mặc dù ông H đã liên lạc đề đòi nợ nhiều lần mà bà U, ông T1 né tránh không nghe điện thoại và không chịu trả tiền mượn cho ông H.

Nay ông H yêu cầu bà U, ông T1 có nghĩa vụ trả cho ông H số tiền nợ vay gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi tính theo quy định của pháp luật, kể từ ngày 04/4/2025 cho đến ngày Tòa án xét xử với mức lãi suất trong hạn như hai bên thỏa thuận là 1,66%/tháng.

Trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 đã được Tòa án tổng đạt các văn bản tố tụng của Tòa án và triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn và cũng không cung cấp tài liệu, chứng cứ cho Tòa án.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 – Tây Ninh phát biểu quan điểm về vụ án:

+ Về tố tụng: Thẩm phán thụ lý, thu thập chứng cứ, chuẩn bị xét xử và quyết định đưa vụ án ra xét xử đều bảo đảm đúng quy định về thời hạn, nội dung, thẩm quyền của Bộ luật Tố tụng dân sự; Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa thực hiện đúng trình tự, thủ tục đối với phiên tòa dân sự; Những người tham gia tố tụng đều thực hiện đúng quyền và nghĩa vụ của mình.

+ Về nội dung: Căn cứ theo Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật Dân sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án và Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, đề nghị HĐXX:

- Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện ông Lê Thanh H đối với bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 về tranh chấp Hợp đồng vay tài sản.

+ Buộc bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Thanh H số tiền nợ gốc là 950.000.000 đồng và tiền lãi theo quy định của pháp luật.

+ Buộc ông Lê Thanh H có trách nhiệm trả lại cho bà Phan Thị Thu U 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT244039 (số vào sổ cấp GCN: CS08807) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 24/10/2019 cho bà Phan Thị Thu U đứng tên.

- Các đương sự chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

[1.1] Thẩm quyền giải quyết: Ông Lê Thanh H khởi kiện bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”. Bị đơn có địa chỉ tại khu phố H, phường T, tỉnh Tây Ninh nên Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh theo quy định tại Điều 28, 35 và 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

[1.2] Về sự vắng mặt của các đương sự: Các bị đơn đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai mà vẫn vắng mặt không có lý do. Căn cứ Điều 227, 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về nội dung:

[2.1] Xét thấy, quá trình giải quyết vụ án, các bị đơn đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng nhưng vắng mặt, không gửi văn bản trình bày ý kiến và cũng không cung cấp tài liệu chứng cứ kèm theo cho Tòa án. Do đó, các bị đơn phải chịu hậu quả pháp lý của việc không trình bày ý kiến đối với yêu cầu của nguyên đơn theo quy định tại Điểm h Khoản 2 Điều 196 và Điều 199 Bộ luật Tố tụng dân sự. Tòa án căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ để giải quyết vụ án là phù hợp quy định pháp luật.

[2.2] Quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn cung cấp các tài liệu chứng cứ gồm: Bản chính Giấy mượn tiền ngày 20/9/2024 (Bút lục 33); Bản chính Giấy mượn tiền ngày và 24/9/2024 (Bút lục 34); Bản sao Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT244039 (Bút lục số 35).

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án thể hiện: Bà U, ông T1 có mượn ông H số tiền nợ tổng cộng 1.100.000.000 đồng, đã trả được 150.000.000 đồng tiền nợ gốc vào ngày 03/4/2025, còn nợ lại 950.000.000 đồng. Quá trình giải quyết vụ án, ông H trình bày từ ngày 03/4/2025 đến nay bà U, ông T1 chưa trả thêm được khoản tiền nợ gốc nào và cũng chưa trả tiền lãi cho ông H. Các bị đơn vắng mặt không có ý kiến phản đối và cũng không cung cấp chứng cứ chứng minh về việc trả nợ nên có căn cứ xác định bà U, ông T1 còn nợ ông H số tiền 950.000.000 đồng. Trong các giấy mượn

tiền có thể hiện lãi suất thỏa thuận 1.66%/ tháng và có thỏa thuận về thời hạn trả nợ nên xác định đây là hợp đồng vay có kỳ hạn và có lãi theo khoản 2 Điều 470 của Bộ luật Dân sự 2015. Do bà U, ông T1 vi phạm thỏa thuận nên ông H khởi kiện yêu cầu bà U, ông T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông H số tiền nợ gốc 950.000.000 đồng là có cơ sở chấp nhận.

[2.3] Về tiền lãi: Ông H yêu cầu tính lãi theo mức lãi suất 1.66%/ tháng tính từ ngày 04/4/2025 đến ngày Tòa án xét xử sơ thẩm 20/3/2026 là phù hợp theo quy định tại Điều 468, 470 của Bộ luật Dân sự nên có cơ sở chấp nhận.

Tiền lãi được tính như sau: 950.000.000 đồng x 1.66%/tháng x 11 tháng 16 ngày = 181.880.667 đồng (làm tròn là 181.881.000 đồng).

Từ các phân tích trên, Hội đồng xét xử chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Buộc bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Thanh H số tiền nợ tổng cộng là 1.131.881.000 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 181.881.000 đồng.

[2.4] Ông Lê Thanh H có trách nhiệm trả lại cho bà Phan Thị Thu U 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT244039 (số vào sổ cấp GCN: CS08807) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 24/10/2019 cho bà Phan Thị Thu U đứng tên.

[3] Về án phí dân sự sơ thẩm:

Do bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Thanh H số tiền nợ tổng cộng là 1.131.881.000 đồng nên bà U, ông T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.956.430 đồng (làm tròn là 45.956.000 đồng).

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.325.150 đồng theo Biên lai thu số 0008682 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

[4] Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 10 - Tây Ninh tại phiên tòa phù hợp nhận định của Hội đồng xét xử nên chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ theo Điều 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; Nghị quyết 01/2019/NQ-HĐTP ngày 11/01/2019 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao;

Tuyên xử:

1. *Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của ông Lê Thanh H đối với bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 về việc “Tranh chấp về hợp đồng vay tài sản”.*

- Buộc bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 có nghĩa vụ liên đới trả cho ông Lê Thanh H số tiền nợ tổng cộng là 1.131.881.000 đồng, trong đó nợ gốc là 950.000.000 đồng và tiền nợ lãi là 181.881.000 đồng.

Kể từ ngày tiếp theo của ngày xét xử sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất các bên thỏa thuận nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật; nếu không có thỏa thuận về mức lãi suất thì quyết định theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

2. Ông Lê Thanh H có trách nhiệm trả lại cho bà Phan Thị Thu U 01 bản chính Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, Quyền sở hữu nhà ở và tài sản gắn liền với đất số CT244039 (số vào sổ cấp GCN: CS08807) do Sở Tài nguyên và Môi trường tỉnh T cấp ngày 24/10/2019 cho bà Phan Thị Thu U đứng tên.

3. Về án phí dân sự sơ thẩm:

Bà Phan Thị Thu U, ông Nguyễn Văn T1 phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 45.956.000 đồng.

Ông H không phải chịu án phí dân sự sơ thẩm. Hoàn trả cho ông H số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 23.325.150 đồng theo Biên lai thu số 0008682 ngày 21/10/2025 của Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh.

4. Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

5. Đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền làm đơn kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Tây Ninh;
- VKSND khu vực 10 - Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ (02.D01.149.10.722.448).

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(ĐÃ KÝ)

Đặng Thị Ngọc Dung